

Hòa Thượng Thích Thiên Tâm

NIỆM PHẬT PHẢI DỨT TRỪ LÒNG NGHI

(Trích Niệm Phật thập yếu)



Phật lịch 2559

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
Niệm Phật phải dứt trừ lòng nghi	4
(Lược trích: Niệm Phật thập yếu	4
Chương III: Đề tam yếu HT. Thích Thiên Tâm)	4
Khải Đề	4
Chương III. Đề Tam Yếu Niệm Phật Phải Dứt Trừ Lòng Nghi	6
Mục A. Lòng Tin, Cửa Vào Tịnh Độ	6
Tiết 15. Sự Trọng Yếu Của Lòng Tin	6
1. Tại sao phải trọn vẹn niềm tin vào lời của Phật, Bồ Tát và chư vị Tổ Sư đã dạy trong kinh điển?	8
2. Điểm căn yếu của môn Niệm Phật là:	10
Tiết 16. Những Điều Làm Giảm Phá Niềm Tin	12
Mục B. Giải Thích Các Điều Nghi	17
Tiết 17. Những Mối Nghi Thông Thường Về Tịnh Độ	17
1. Nghi Cự lạc là quyền thuyết:	18
2. Nghi pháp môn tu chứng quá dễ:	20
3. Nghi mình kém phước duyên:	21
Tiết 18. Những Mối Nghi Thiệp Lý	23
Tiết 19. Những Mối Nghi Căn Cứ Theo Kinh Điển	37
Tiết 20. Cần Phá Lối Chấp Nhị Biên	44

Niệm Phật phải dứt trừ lòng nghi

(Lược trích: Niệm Phật thập yếu
Chương III: Đề tam yếu HT. Thích Thiền Tâm)

Khải Đề

*Niềm tin là bước đạo sơ nguyên,
Mà nổi trần ai lắm sự duyên!
Thoạt tưởng sen lành say cõi Tịnh
Lại nghe mai đẹp mến non Thiền.
Bồ Đề gieo khéo nguyên viên giác
Không hữu, còn thương chấp nhị biên
Tín đức ví bền như hạnh nguyện
Mưa hoa đồng dạo cảnh Tây Thiên.*

Chương III. Đệ Tam Yếu Niệm Phật Phải Dứt Trừ Lòng Nghi

Mục A. Lòng Tin, Cửa Vào Tịnh Độ

Tiết 15. Sự Trọng Yếu Của Lòng Tin

Chúng sanh nơi thế giới Ta Bà này, nhân vì ở vào đời ác năm trược, phiền não nặng nhiều, hoàn cảnh bên ngoài ác liệt, sự tu hành không dễ gì tiến bộ. Lại mỗi khi chuyển sanh thường bị lạc mê, nên sự chứng đạt rất khó.

Tiên đức hằng than: *“Số xuất gia nhiều như lông trâu, nhưng người đắc đạo như sừng thỏ.”*¹. Lời này có thể hình dung cho điều vừa nói trên. Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni là bậc đã kinh nghiệm qua con đường thành Phật, biết rõ lối nào dễ bước, nẻo nào khó đi. Vì thế Ngài mới vận lòng bi trí, đặc biệt mở ra pháp môn Niệm Phật. Người tu môn này tuy chưa dứt phiền não, mà có thể đời nghiệp vãng sanh. Khi về đến Tây Phương rồi, nhờ nhiều thắng duyên của cảnh ấy, sự tiến tu chứng đạo rất dễ dàng như cầm lấy món đồ trước mắt.

Đức Thế Tôn đã có lòng đại bi như thế, lẽ ra mọi người đều được đắc độ với pháp môn này, nhưng kẻ vãng

¹Xuất gia như ngưu mao, đắc đạo như thỏ giác

sanh lại có phần ít là tại sao? Đó là bởi chúng sanh trí kém nghiệp nặng,

- Hoặc nghi lời Phật nói nên không chịu tu,
- Hoặc tuy tu mà lòng tin nguyện không chí thiết,
- Hoặc tuy niệm Phật mà chỗ dụng công không đúng với lời Phật dạy.

Vì thế tuy có tu hành vẫn không đem đến thành quả. Đó là lỗi ở người, chứ không phải ở pháp.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

- ***Lòng tin là bước đầu vào đạo.***
- ***Là mẹ của của tất cả công đức.***
- ***Lòng tin hay nuôi lớn các căn lành.***
- ***Lòng tin hay tựu quả Bồ Đề của Phật.***

Thế nên đối với người tu, đức tin có tính cách rất trọng yếu. Nếu mất đức tin, chẳng những nền tảng tiến đạo phải bị sụp đổ, mà tất cả công hạnh giải thoát cũng không thành.

Đức tin này không phải mê tín, chính là lòng tin nương theo trí huệ, là sự đặt trọn vẹn niềm tin vào lời của Phật, Bồ Tát và chư vị Tổ Sư đã dạy trong kinh điển. Tại sao đã nương theo trí huệ lại còn phải đặt trọn vẹn niềm tin vào lời dạy của những bậc ấy?

1. Tại sao phải trọn vẹn niềm tin vào lời của Phật, Bồ Tát và chư vị Tổ Sư đã dạy trong kinh điển?

Bởi môn Tịnh Độ thuộc pháp Đại Thừa, đã là đại pháp tất nói nhiều cảnh giới siêu việt khác thường, nên có những điều mà trí tuệ phàm phu không thể suy lường nổi.

Khi xưa trên hội Linh Sơn, đức Thế Tôn nói Kinh Pháp Hoa, có năm ngàn bậc Đại Đức Thanh Văn, đã chứng từ sơ quả Tu Đà Hoàn đến đệ tứ quả A La Hán, không tin tưởng lui ra khỏi Pháp tịch. Đối với cảnh chính đức Phật còn tại thế, thân nói pháp với các vị Thanh Văn thánh giả trí huệ đã siêu thường, mà còn có sự không tin, thì ta thấy pháp Đại Thừa chẳng phải dễ tin hiểu. Cho nên trong kinh Đại Thừa, có nhiều chỗ đức Phật bảo đừng nói cho kẻ nhiều kiến chấp, thiếu lòng tin nghe, vì e họ sinh lòng khinh báng mà mang tội.

Đến khi Đại Thừa pháp được lan truyền rộng, các vị cổ đức khuyên người học Phật khi nghiên cứu về loại kinh này, chỗ nào dùng trí huệ hiểu được cố nhiên là tốt, chỗ nào suy gẫm không thấu triệt vẫn đặt trọn vẹn niềm tin nơi lời của đức Thế Tôn. Như thế mới tránh khỏi tội lỗi khinh báng đại pháp và không mất phần lợi ích.

Trong Kinh Phật Thuyết A Di Đà, đức Bổn Sư đã đôi ba phen nhắc nhở về lòng tin, như các đoạn:

- “...Cho nên Xá Lợi Phất! Các ông phải nên tin nhận lời ta và lời nói của chư Phật!...”

- “...Xá Lợi Phất! Như ta hôm nay khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của chư Phật. Các đức Phật kia cũng khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của ta, mà nói lời như sau: 'Phật Thích Ca Mâu Ni hay làm được việc rất khó khăn ít có! Ngài đã có thể ở trong đời ác năm trước là: kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước của quốc độ Ta Bà, chứng quả A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vì các chúng sanh nói ra pháp môn mà tất cả thế gian đều khó tin ấy...’;

- “...Xá Lợi Phất! Nên biết ta ở trong đời ác năm trước làm việc khó khăn sau đây, và đắc quả A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vì tất cả thế gian nói ra pháp khó tin này, thật là điều rất khó!...”

Đức Thế Tôn trí huệ nhiệm mầu, mà đã nói những lời ấy, thì biết pháp Tịnh Độ thật khó tin và lòng tin là điều rất quan hệ.

Nhiều vị cổ đức cũng bảo: “Pháp môn Tịnh Độ rất khó thâm tín, duy hạng phàm phu đã gieo căn lành niệm Phật và bậc Đăng Địa Bồ Tát mới tin nhận được mà thôi. Ngoài ra những chúng sanh khác cho đến hàng Nhị Thừa hoặc quyền vị Bồ Tát đôi khi cũng không tin nhận pháp môn này”.

Khi xem những lời như trên, ban sơ bút giả cũng lấy làm lạ tự hỏi “*Tại sao đệ tử Phật lại không tin lời của Phật? Hàng Nhị Thừa và quyền vị Bồ Tát trí huệ siêu việt, chỗ tu chứng đã cao, sao lại không tin pháp môn Tịnh Độ?*” Nhưng về sau, khi thấy trong hàng xuất gia có những vị giảng giáo lý tinh thông, song lại không tin có cõi Cực Lạc và bài bác sự niệm Phật vãng sanh, chùng đó mới công nhận lời kia là đúng.

Nhân đây lại tìm trong kinh, thấy nói đạo nhân của bậc A La Hán và Bích Chi Phật chỉ ở trong phạm vi tam thiên đại thiên thế giới, gồm một ngàn triệu thái dương hệ. Mà môn Tịnh Độ thuộc về giới ngoại đại pháp, cõi Cực Lạc ở ngoài đại thiên thế giới, như vậy làm sao hàng cực quả Nhị Thừa có thể thấy biết tin nhận được? Còn hàng quyền vị Bồ Tát chưa chứng vào cảnh giới đại phương đẳng, chưa thấy được mười phương Tịnh Độ, nên có vị không tin nhận lẽ dĩ nhiên.

2. Điểm căn yếu của môn Niệm Phật là:

Tín, Nguyện, Hạnh. Ba điều này tương quan với nhau như cái đánh có ba chân, thiếu một tất phải sụp đổ. Trong đây tín lại là nền tảng, nếu thiếu nhu yếu này, thì không thể khởi sanh Nguyện và phát động Hạnh tu trì cho thiết thật.

Riêng về điểm **Tín**, đại khái có ba điều:

1. Trước tiên, phải tin lời đức Thế Tôn nói, nhận chắc cõi Cực Lạc từ nhơn vật đến cảnh giới đều có thật.
2. Kế đó, phải tin đức A Di Đà không có lời nguyện dối, chúng sanh dù nghiệp nặng, nếu niệm đến danh hiệu Ngài, quyết định sẽ được tiếp dẫn vãng sanh.
3. Thứ ba, phải tin ta niệm Phật, nguyện về cõi Phật, quyết sẽ được thấy Phật được vãng sanh, nhơn nào quả ấy không thể sai lạc.

Ba điều này chỉ là khái yếu, nếu suy diễn ra rộng, trong ấy gồm có sáu phần: **tin mình, tin Phật, tin nhơn, tin quả, tin sự, tin lý**.

Điều thứ nhất bao gồm tin lời Phật và tin sự, lý Tịnh Độ đều có thật.

Điều thứ hai bao gồm tin đại nguyện của Phật A Di Đà và tha lực tiếp dẫn của Ngài.

Điều thứ ba bao gồm tin bản tâm mình, nguyện lực mình và nhơn cùng quả của công hạnh niệm Phật.

Nhơn chắc ba điều vừa nói, mới gọi là tin sâu. Lại tin sâu không phải thuộc lời nói bên ngoài hay ý nghĩa phân biệt mà là sự thể nhận, là tâm trong sạch không còn một điểm nghi ngờ.

Cho nên khi xưa ông Vương Trọng Hồi hỏi một vị thiện trí thức: *“Làm sao quyết chắc được sanh về Cực Lạc?”* Vị ấy đáp *“Chỉ tin nhận sâu, là chắc chắn được vãng sanh.”* Ông ghi nhận và ngộ giải lời nói ấy, quả nhiên về sau được toại thành như ý nguyện.

Sự tin sâu có ích lợi là như thế.

Tiết 16. Những Điều Làm Giảm Phá Niềm Tin

Trong giới tu hành, có những kẻ cũng khuyên dạy niệm Phật, song lại giáo hóa theo cách thức của ngoại đạo. Lại có những vị vì chưa thông hiểu hay nhận thức sai lạc về Tịnh Độ, nên sanh ra bài báng.

Những sự lạm dụng và hiểu lầm trên đây, có mối hại dẫn dắt quần chúng theo đường tà và khiến thối chuyển cùng hủy hoại niềm tin của người niệm Phật, nên cần phải giải thích để làm sáng tỏ pháp môn Tịnh Độ.

Có ba dạng người gây sự giảm phá cho giáo thuyết Tịnh độ:

Một là, hạng người thế gian không tin nhân quả, Phật pháp, nên hủy báng niệm Phật.

Đại khái như bảo:

- Tịnh Độ là môn hành trì của ông già bà cả, hạng căn cơ thấp kém;

- Tu Tịnh Độ là y lại yếu hèn, không thể tự lực giải thoát nổi, phải nhờ cậy vào tha lực;

- Hay niệm Phật là pháp hủ bại chờ chết, chỉ độ tử chứ không độ sanh.

Hai là, hạng tu theo bàn môn lạm dụng hình thức Phật pháp, chỉ dạy niệm Phật theo lối sai lầm.

Xin để qua những người không tin nhân quả, Phật pháp, mà chỉ nhìn xét những vị có hình thức dĩnh dĩnh với đạo Phật.

1. Có những người hình thức là tăng ni, cũng ở chùa hay am cốc, nhưng không học hiểu Phật pháp, chỉ tu luyện theo bàn môn.

Họ là những kẻ mang chiêu bài Phật Giáo bán tạp hóa ngoại đạo. Những người này có đồ chúng của họ, đều bí mật truyền đạo cho nhau. Nhiều người tuy nói tham thiền, song kỳ thật chuyên luyện điền, hoàn toàn không hiểu Thiền là gì.

Đối với môn Tịnh Độ, họ bảo phải tưởng câu niệm Phật từ đơn điền thẳng tắt ra sau lưng, đi dọc lên theo xương sống rồi vòng xuống trở lại đơn điền, gọi là chuyển pháp luân. Đó là cách luyện khai thông hai mạch Nhâm, Đốc, theo ngoại phái, không phải của đạo Phật.

2. Có kẻ dạy phải nín thở niệm Phật luôn một hơi, rồi nuốt ực nước bọt một cái, gọi là để củng cố chân nguyên.

3. Có kẻ đem sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật bố khắp châu thân.

4. Có người lại giải thích Kinh A Di Đà theo ngoại thuyết như: Ao sen thất bảo là bao tử, bảy hàng cây báu là xương sườn, bát công đức thủy là máu, tủy, và các thứ nước không sạch trong thân...

Những kẻ đã mượn Phật pháp để tu theo ngoại đạo này đâu phải là chánh tín, làm sao được vắng sanh giải thoát?

Ba là, những người trong chánh pháp, nhưng sự nhận thức đối với môn Tịnh Độ còn nông cạn đơn sơ, nên xem thường và bài bác.

Ngoài những kẻ ngoại đạo nương bóng Phật pháp, còn lại là những vị đệ tử chánh thức của Phật. Trong đây, có nhiều vị tuy tin hiểu pháp Niệm Phật, công nhận lời Phật dạy về môn này, song Tịnh Độ không phải là tâm niệm sở thích của họ, nên họ tu theo các môn khác. Những người này đều là những bậc tu hành chân chánh trong Phật pháp.

Song cũng có một ít người vì học theo giáo lý của các tông phái khác, không hiểu sâu về Tịnh Độ, lại do tư tưởng môn đình, chẳng những không tin Tịnh Độ Tông còn sanh lòng hủy báng.

Lệ như có người theo Thiền Tông:

Mới tu học Thiền chưa bao lâu, đã phản đối niệm Phật. Họ đâu biết rằng nhiều bậc đại đức cao tăng khi xưa như các Ngài: Vĩnh Minh Thiền sư, Tử Tâm Tân Thiền sư, Thiên Y Hoài thiền sư, Viên Chiếu Bản thiền sư, Từ Thọ Thâm thiền sư, Nam Nhạc Tư thiền sư, Pháp Chiếu thiền sư, Tịnh Yếu thiền sư, Tịnh Từ Đại Thông thiền sư, Thiền Thai Hoài Ngọc thiền sư, Đạo Trân thiền sư, Đạo Xước thiền sư, Tỳ Lăng Pháp Chân thiền sư, Cô Tô Thủ Nạp thiền sư, Bắc Nhân Giản thiền sư, Thiên Mục Lễ thiền sư v.v... là những vị siêu xuất bên Thiền Tông, sau khi tham ngộ được minh tâm kiến tánh, đều qui hướng về Tịnh Độ. Những vị này đối với Thiền, họ là bậc đại tri thức hoằng hóa về tông môn, đối với Tịnh, họ là bậc danh đức khuyến dạy niệm Phật. Điều này có thể chứng minh Tịnh Độ và Thiền đều không chướng ngại nhau, hà tất phải đem lòng hủy báng? Lại như một vị cao tăng mới thị tịch gần đây là Hư Vân thiền sư, ai cũng nhận là bậc siêu ngộ, nhưng khi ở Thiền Đường thì Ngài giảng về đạo lý tham thiền, ở Niệm Phật Đường Ngài lại khuyến dạy về niệm Phật. Với môn Tịnh Độ chẳng những Ngài không phản đối mà lại

còn tán dương. Vậy thử hỏi những người vừa mới tu Thiền đã vội bác niệm Phật, sự học hiểu và công phu hành trì có bằng các bậc cao đức trên đây chăng?

Lại như những người theo Duy Thức Tông:

Mới học Duy Thức chưa bao lâu, đã phản đối niệm Phật, họ không biết rằng vị đệ nhất Tổ Sư khai sáng về Duy Thức Tông ở Trung Hoa là ngài Huyền Trang, mà hiện nay họ đang thừa học, đã không phản đối, lại còn truyền dương môn niệm Phật. Bằng chứng là khi Ngài thỉnh kinh ở Ấn Độ về, có đem theo quyển Kinh A Di Đà bằng Phạn văn, dịch thành tân bản, nhan đề là Xưng Tán Tịnh Độ Nhiếp Thọ Kinh.

Cho đến vị Tổ thứ hai bên Tông Duy Thức là Khuy Cơ đại sư cũng trứ tác thành một quyển A Di Đà Kinh Sớ và ba quyển A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ.

Và Thái Hư đại sư, một vị cao tăng cận đại ở Trung Hoa, mọi người đều công nhận Ngài là bậc thạc học trung hưng về Duy Thức Tông. Nhưng khi có người tu Tịnh Độ thỉnh đại sư chỉ dạy thì Ngài cũng giảng thuyết về niệm Phật. Những lời khai thị về Tịnh Độ Tông của Ngài có đến bảy thiên, mà hiện nay chùa Thiện Đạo ở Đài Bắc còn ấn bản lưu hành. Thế thì biết những bậc cao đức bên Duy Thức Tông chẳng những không bài bác Tịnh Độ, mà trái lại còn hoằng hóa tán dương. Xin thử hỏi những người

học Duy Thức chưa bao lâu mà phản đối Tịnh Độ, sự học vấn tu trì có bằng các bậc tiền bối đó chăng?

Bước đầu vào cửa Tịnh Độ, cần có sự tin hiểu chính xác, nếu thiếu đức tin làm sao phát nguyện và hành trì?

Như trên thử xét qua, ta thấy đại lược có ba hạng người gây sự giảm phá cho giáo thuyết Tịnh Độ.

- Một là hạng người thế gian không tin nhân quả, Phật pháp, nên hủy báng niệm Phật.

- Hai là hạng tu theo bàng môn lạm dụng hình thức Phật pháp, chỉ dạy niệm Phật theo lối sai lầm.

- Ba là những người trong chánh pháp, sự nhận thức đối với môn Tịnh Độ còn nông cạn đơn sơ, nên xem thường và bài báng.

Mấy điều kiểm duyệt như trên, người niệm Phật cần phải biết qua, nhận định đâu là tà chánh ngụy chân, để giữ vững lòng tin trên bước đường tu tiến.

Mục B. Giải Thích Các Điều Nghi

Tiết 17. Những Mối Nghi Thông Thường Về Tịnh Độ

Các điều không tin, ngoài những trường hợp lạm dụng và kém nhận thức như trên, thì còn có những người

thuộc về phương diện đứng bên ngoài mà nhìn vào cửa Tịnh Độ.

Nơi đây xin đề cập đến những kẻ thật ý muốn tu, hoặc đã nhập môn. Có nhiều người thật tâm muốn niệm Phật, hoặc đã từng hành trì rồi, nhưng vì sự học hiểu về giáo lý còn kém, nên khi nghe kẻ khác biện luận bài bác, liền khởi lòng nghi. Những mối nghi đó rất nhiều, nay chỉ nêu ra ba điểm phổ thông mà lắm người thường vướng phải. Mấy điểm ấy đại khái như: (1) Nghi Cực Lạc là quyền thuyết, (2) Nghi pháp môn tu chứng quá dễ, (3) Nghi mình kém duyên phước khó vãng sanh.

Xin giải thích đại lược như sau:

1. Nghi Cực lạc là quyền thuyết:

Có kẻ thấy trong kinh điển tả cảnh Tịnh Độ quá trang nghiêm, bỗng sanh niệm nghi rằng:

Nghi: Cõi Cực Lạc là quyền tiện của Phật nói ra để cho người hâm mộ gắng tu làm lành lánh dữ, đại khái như thuyết thiên đường, hỏa ngục hay cảnh Bồng Lai, để thưởng thiện, phạt ác của các giáo phái khác. Làm gì có một thế giới từ đất đai, cây cối, lầu các đều bằng thất bảo như: vàng bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não hợp thành? Lại còn thân người bằng chất ngọc nhuyễn kim cương, hóa sanh từ hoa sen không có già bệnh chết, các thức ăn mặc trân quý đều tùy ý niệm hiện ra? Như thế

toàn là những chuyện đầu đầu, xa với thật tế hiện thấy trước mắt, làm sao tin được? Để giải thích điều này,

Xin đáp: Những ý nghĩ đó đều còn cuộc hạn theo sự nghe thấy của tai mắt phạm tình. Người muốn học Phật không nên đem trí phạm phu mà suy lường cảnh thánh.

Đừng nói đầu xa, ngay ở Việt Nam ta, khi cụ Phan Thanh Giản đi sứ sang Pháp trở về thuật lại, nói bên ấy đèn không đốt mà cháy, xe thuyền không ngựa kéo người bơi mà tự chạy. Cụ có vịnh hai câu thi:

Bá ban xảo kế tề thiên địa.

Duy hữu tử sanh tạo hóa quyền!

Hai câu này ngụ ý khen người Pháp trăm việc hay khéo sánh bằng trời đất, duy có sự sống chết là còn thuộc quyền tạo hóa định đoạt mà thôi. Vua Tự Đức và triều thần nghe nói thế đều không tin. Đến như ông Nguyễn Tri Phương là chỗ bạn thân, cũng mỉm cười cho là cụ Phan đi xa về nói khoác.

Thử hỏi vua Tự Đức cùng triều thần đều tự nhận mình là người học thức, cho sự việc đó tai không nghe, mắt không thấy, vượt quá sức tưởng tượng, nên không tin.

Nhưng các điều ấy quả thật không có chẳng? Lấy một việc nhỏ này suy ra, ta thấy nếu đem những định

kiến theo tai nghe mắt thấy và sự tưởng nghĩ phàm thường mà đo lường cảnh thánh đều thành sai lạc. Hơn nữa, nếu không có Phật A Di Đà tiếp dẫn, tại sao nhiều người niệm Phật khi sắp chết biết trước ngày giờ, thấy các cảnh tượng Tây Phương, cùng Phật, Bồ Tát hiện thân đón rước? Nếu cõi Cực Lạc là hư huyền, tại sao có những vị tu Tịnh Độ trong lúc hiện tiền bỗng được tâm khai thấy rõ ràng cảnh Tây Phương trang nghiêm y như lời Phật nói? Đệ tử của Phật hay người muốn học Phật mà không lấy lời Phật dạy trong kinh làm mực thước, thử hỏi còn lấy chi để làm chỗ tựa nương? Cho nên do theo Thánh Ngôn Lượng và Hiện Chứng Lượng (cách suy lường dựa theo lời Phật nói và sự hiện chứng của người tu), ta phải tin rằng những sự trang nghiêm ở Cực Lạc đều có thật.

2. Nghi pháp môn tu chứng quá dễ:

Nghi: Có người nghe nói pháp môn Tịnh Độ hành trì giản dị mà được kết quả rất mau chóng cao siêu, thì nghi ngờ rằng: Đâu lại có phương pháp thành Phật quá dễ dàng như thế? Bởi đường lối thường thức của các môn tu là Chỉ và Quán. Khi hạ thủ dụng công, trước tu Chỉ, kế tiếp Quán; hoặc trước tu Quán, kế tiếp Chỉ. Lần lần tiến đến “trong Quán có Chỉ, trong Chỉ có Quán”. Khi tới trình độ “*Chỉ Quán không hai, định huệ tịch chiếu mới gọi là bước vào cảnh giới tự tâm*”. Rồi từ đó về sau, nếu mỗi đời đều tiếp tục tinh tấn tu hành, theo như trong kinh luận

nói, phải trải qua một muôn đại kiếp mới lên ngôi Bất Thối Chuyển. Tại sao chỉ niệm một câu Phật hiệu, ngay trong đời này lại được vãng sanh lên ngôi Bất Thối, há chẳng phải là quá dễ dàng ư?

Đáp: Đề cập đến nghi vấn này, chúng ta nên biết tu các pháp môn khác chỉ hoàn toàn nương nơi tự lực, cho nên phải khó. Riêng đường lối Tịnh Độ có hai năng lực, là tự tâm lực và Phật tiếp dẫn lực, nên sự thành công rất dễ. Ví như một người chân yếu, muốn tự mình lên tận đỉnh núi cao là điều rất khó. Nhưng nếu kẻ ấy được một vị đại lực sĩ khoác cánh tay phăng phăng đưa bước tiến lên, thì kết quả đăng phong nào có khó chi!

Về môn Tịnh Độ cũng thế, khi ta chuyên tâm niệm Phật tức là lúc tâm lực phát triển. Niệm đến một lòng không loạn, là lúc tâm lực hoàn toàn hiện bày. Đang khi ấy nghiệp lực bị hàng phục không còn làm chướng ngại, lại được thêm Phật lực tiếp dẫn nên tuy nghiệp chưa trừ dứt, mà được vãng sanh. Khi sanh về Tây Phương rồi, sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, sự không thối chuyển cho đến khi thành Phật là một điều hiển nhiên dễ hiểu.

3. Nghi mình kém phước duyên:

Có kẻ lại nghi rằng: Cảnh Cực Lạc màu đẹp trang nghiêm vô lượng, chẳng phải dùng ít nhân duyên căn

lành phước đức mà được sanh về. Nhìn gắm lại mình, căn lành phước đức còn sơ bạc, nghiệp chướng lại nhiều, mong gì đời này được duyên tốt vãng sanh?

Xin kính khuyên quý vị ngàn muôn lần chớ nên nghi như thế. Bởi khi các vị lần chuỗi niệm Phật được, là căn lành phước đức đã sâu dày rồi. Thử nghĩ lại xem, trên thế gian này biết bao nhiêu kẻ không nghe được danh hiệu Phật? Biết bao nhiêu người tuy nghe hồng danh đức A Di Đà, những mãi đoạt lợi tranh danh, đeo đuổi theo các điều trần nhiễm, không chịu niệm Phật? Nay các vị đã được nghe Phật pháp và chí tâm niệm Phật, há không phải là có căn lành phước đức lớn đó ư?

Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Phật bảo Di Lặc Bồ Tát:

“Nếu có chúng sanh nào nghe danh hiệu đức Phật kia, vui mừng khắp khởi, cho đến một niệm, nên biết kẻ ấy được lợi lớn, đã đầy đủ phước đức vô thượng.”

Lời này đủ chứng minh: biết niệm Phật tức là đã có nhiều phước đức căn lành rồi. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có dẫn sự tích những người phạm tội cực ác như Trương Thiện Hòa, Hùng Tuấn, Duy Cung và loài súc sanh như chim bát kha, anh vũ, chí tâm niệm Phật đều được vãng sanh. Phước đức căn lành của quý vị đã vượt xa hơn những người ác và loại súc sanh kia. Vậy cần chi phải e ngại là ngay trong đời này không được sanh về Cực Lạc!

Tiết 18. Những Mối Nghi Thiệp Lý

Ngoài ba điểm nghi phổ thông như trên, còn những mối nghi về Tịnh Độ quan thiệp tới đạo lý từ cạn đến sâu. Các điều nghi này rất nhiều, nay chỉ xin nêu ra các chi tiết quan trọng để giải thích, thể theo lối vấn đáp như sau:

1) **Hỏi:** *Môn Tịnh Độ là pháp sơ cơ, chỉ để cho kẻ ngu dốt, căn trí thấp kém hành trì. Những người căn tánh cao phải tu Thiền hay Duy Thức mới hợp lý. Vả lại bậc thượng phu phải có chí hùng cường tự lập, nên căn cứ nơi sức mình mà giải thoát, nếu cầu mong tha lực, chẳng tỏ ra hèn yếu lắm ư?*

Đáp: Với lời hỏi này, trước tiên xin nói về căn cơ, sau sẽ trả lời đến yếu tố tự lực tha lực.

1. Về căn cơ:

Pháp môn Tịnh Độ không phải chỉ để cho bậc trung, hạ căn, mà còn thâm nhiếp cả bậc thượng thượng căn.

Bậc trung, hạ căn niệm Phật sẽ dứt được phiền não nghiệp chướng, phát sanh phước đức trí huệ, lần lần đi đến định cảnh, tùy công phu thấp cao mà vãng sanh về chín phẩm sen nơi Cực Lạc.

Bậc thượng căn vừa đề khởi câu niệm Phật, liền thâm nhập vào cảnh giới định huệ, đi đứng nằm ngồi đều ở trong Niệm Phật Tam Muội, khi lâm chung sanh về

thượng thượng phẩm ở Liên Bang. Trong hàng tiên đức đã có vị đi vào cảnh giới này và trình thuật với câu:

*Niết khởi số châu thẳng sách đoạn
Thế hương phạn thực dĩ đa thời²*

Cho nên, câu niệm Phật thâm nhiếp hết ba căn, với người cao nó thành cao, với người thấp nó thành thấp.

Các bậc đại tri thức trong Phật Giáo thường phê luận: “*Pháp môn Niệm Phật gồm nhiếp cả Thiền, Giáo, Luật, Mật.*”. Tại sao pháp Niệm Phật lại gồm nhiếp cả bốn môn này? Sở dĩ có điều ấy là bởi:

Khi niệm Phật dứt trừ cả vọng tưởng chấp trước, đó là Thiền.

Sáu chữ hồng danh bao gồm vô lượng nghĩa màu, vô lượng nghĩa đều ẩn một và xuất hiện từ nơi đấy, đó là Giáo.

Niệm Phật đến cảnh giới sâu, ba nghiệp đều trong sạch vắng lặng, đó là Luật.

Câu niệm Phật có công năng như một câu thần chú, hay giải oan, trừ nghiệp, mãn nguyện, hàng ma đó là Mật.

Như Liên Trì đại sư, trong một năm nắng hạn lâu ngày, thay vì niệm chú, đảo võ, Ngài chỉ đi ngoài đồng gõ

²Ý nói: “Năm lấy chuỗi tràng niệm dứt,
Nghiêm nhiên thành Phật đã từ lâu”

mỡ niệm Phật, đi đến đâu trời mưa đến đó. Và Viên Chiếu Bản thiền sư, thay vì tham thiền, Ngài chỉ dùng sáu chữ hồng danh mà được ngộ tánh bản lai, chứng vào Niệm Phật Tam Muội.

Cứ như đây suy nghiệm rộng sâu thêm, câu niệm Phật cũng gồm thấu cả năm thời tám giáo, nhiếp luôn sáu pháp Ba La Mật, như Triệt Ngộ đại sư đã trình bày trong thiên Niệm Phật Bách Kệ.

Trong kinh lại nói: *“Chí thành xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà, sẽ được tiêu tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử.”*

Người niệm Phật nếu hằng giữ định tâm, tất sẽ phát huệ đồng như lối tu của các pháp môn khác. Hơn nữa, trên định tâm mà xưng danh hiệu Phật A Di Đà, thì sự tiêu nghiệp chướng sanh phước huệ càng cao thắng chóng mau. Vì thế, Liên Trì đại sư đã khen pháp Niệm Phật là: Đại Thiền định, Đại Trí huệ, Đại Phước đức, Đại thánh hiền.

Theo Quán Kinh: Người tạo tội ngũ nghịch thập ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện, nếu chí thành xưng danh hiệu Phật A Di Đà cho đến mười niệm thì Ngài liền hiện thân tiếp dẫn sanh về Cực Lạc.

Từ một kẻ cực ác, chỉ dùng mười niệm mà được vãng sanh, lên ngay ngôi Bất Thối Chuyển thật là điều rất

hy hữu. Cho nên Ấn Quang đại sư đã khen: “*Pháp Niệm Phật bậc cực cao niệm đến một lòng không loạn, chứng vào Tam Muội, kẻ cực thấp chỉ dùng mười niệm thành công, là điểm đặc sắc mà chưa thấy pháp môn nào có.*”

2. Về vấn đề tự lực, tha lực:

Nếu như hiểu môn Tịnh Độ chỉ hoàn toàn nương nơi tha lực là lầm.

Người niệm Phật phải đem hết tự lực dứt trừ phiền não, trì niệm cho đến cảnh giới tâm mình và tâm Phật tương ứng.

Từ cảnh giới đó, hiện thời hành giả được Phật phóng quang thẩm nhiếp thọ, khi mạng chung sẽ được tiếp dẫn vãng sanh. Sự tiếp dẫn mới là yếu tố chánh của tha lực, vì thế giới Cực Lạc cách xa cõi Ta Bà này đến mười muôn ức Phật độ, còn không phải sức thần thông đạo lực tầm thường có thể đến được, huống nữa là phàm phu! Vì thế cần phải nhờ tha lực tức thần lực của Phật hoặc chư thánh tiếp dẫn.

Ví như một học sinh, tự mình biết gắng hết sức chuyên học, dĩ nhiên là điều đáng quý. Nếu trên sự chuyên học ấy, lại được vị giáo sư giỏi kèm theo chỉ dạy, tất mức học vấn càng cao thâm, kết quả thi đỗ sẽ là phần bảo đảm. Trên tự lực của hành giả, thêm tha lực của Phật gia bị tiếp dẫn cũng lại như thế. Vậy sự kiện chính mình

đã gắng hết sức để tu, lại cầu thêm tha lực cho được kết quả mau chóng, có phải là một điều hèn yếu lỗi lầm chăng?

Sự cao diệu của môn Tịnh Độ, chính các bậc đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ; các vị Tổ Sư như Vĩnh Minh, Trí Giả, Triệt Ngộ, Liên Trì, cho đến nhiều đấng tôn túc ở các tông, đều khuyến nguyện vãng sanh. Chê Niệm Phật là thấp kém chỉ để cho bậc hạ căn tu hành tức là chê chư Bồ Tát, Tổ Sư và các vị cao đức đã nói trên. Bảo niệm Phật là hèn yếu, chỉ nương nơi tha lực, tức là chưa hiểu biết chi về môn Tịnh Độ.

2) Hỏi: *Cổ thi có câu:*

*Thân khinh luyện đắc đồng tiên hạc
Cực Lạc hoành hoành nhứt trục phi³.*

Thế thì ta cứ tham thiền, chờ khi chứng được thần thông, chừng ấy có thể đi về Cực Lạc, hoặc tùy ý sang các cõi Tịnh Độ khác. Như vậy, hà tất phải khẩn khẩn niệm Phật cầu về Cực Lạc làm chi?

Đáp: Hai câu thi trên, ý nói cảnh giới cảm thông từ hành giả dung hòa với thần lực nhiếp thọ của Phật, chớ

³ Ý nói:

Luyện thân nhẹ được đồng tiên hạc,
Cực Lạc bay ngang thẳng trở về!

không phải chỉ cho cảnh giới thần thông. Xin tuân tự giải thích hai điều ấy.

a. Trước tiên hãy nói về cảnh giới thần thông.

Theo trong kinh:

- Đạo nhân và thần thông của bậc sơ quả Tu Đà Hoàn thuộc phạm vi một tiểu thế giới, gồm bốn cõi ác thú, bốn đại châu, một núi Tu Di, một nhật nguyệt, sáu cõi trời Dục và một cõi Sơ Thiên.

- Đạo nhân và thần thông của bậc nhị quả Tư Đà Hàm ở trong chu vi một “tiểu thiên thế giới”.

- Bậc A Na Hàm, một “trung thiên thế giới”.

- Bậc A La Hán, một “đại thiên thế giới”.

- Bậc Sơ Địa Bồ Tát, đạo nhân thấy được một trăm cõi Phật cùng trăm đức Phật, chứng một trăm Tam Muội, thần lực có thể phóng ánh sáng và làm rung động một trăm cõi Phật, đi sang khắp một trăm Phật độ.

- Đạo nhân và thần thông của bậc Nhị Địa Bồ Tát ở trong chu vi một ngàn cõi Phật.

- Bậc Tam Địa Bồ Tát, một trăm ngàn cõi Phật.

- Cứ như thế lần lượt tăng gấp bội lên mãi cho đến bậc đệ Thập Địa Bồ Tát thuộc ngôi Pháp Vân, thần thông đạo lực, bao hàm vô biên quốc độ.

Từ thế giới Ta Bà này sang Cực Lạc cách mười muôn ức Phật độ. Số ức của Ấn Độ thời xưa có ba bậc, mà mức trung bình là một triệu bảy giờ. Như thế, nếu lấy mười muôn (một muôn là 10.000) nhân cho một triệu (100.000 x 1.000.000) thì Ta Bà cách Cực Lạc đến một trăm ngàn triệu Phật độ.

Lại về Phật độ, tức phạm vi ứng thân giáo hóa của một vị Phật, có đức Phật lấy một đại thiên thế giới gồm một ngàn triệu thái dương hệ làm một Phật độ; có đức Phật lấy hai, ba hoặc trăm, ngàn, muôn, ức cõi đại thiên làm một Phật độ; có đức Phật lấy từ một hằng hà sa cho đến nhiều hằng hà sa cõi đại thiên làm một Phật độ.

Ấy là chưa kể những khoảng trống xa cách từ Phật độ này đến Phật độ kia. Như thế ta thấy từ Ta Bà đến Cực Lạc, chẳng những bậc A La Hán, mà với thần thông của các vị hạ địa Bồ Tát cũng khó nổi tìm sang. Cho nên khi xưa ngài Mục Kiền Liên tuy hiện thân ở ngôi A La Hán, song kỳ thật là bậc Bồ Tát thị hiện làm Thanh Văn để tu Bồ Tát hạnh, nghe Phật nói Kinh A Di Đà, có lúc đã dùng sức thần thông của mình tìm sang Cực Lạc. Nhưng Ngài tìm mãi không thấy, sau cùng lạc đến thế giới của Phật Tu Di Tướng. Núi Tu Di cao tám muôn bốn ngàn do tuần, **mỗi do tuần trung bình là sáu mươi dặm**, Phật Tu Di Tướng và dân chúng ở cõi ấy, thân hình đều to lớn như núi Tu Di. Khi ngài Mục Kiền Liên đến cõi này, thấy Phật

đang thuyết pháp cho đại chúng nghe, liền đi vòng quanh trên miệng bát của một vị tăng. Vị tăng ấy bạch với Phật rằng: *“Có một con trùng nhỏ giống hình người bò trên miệng bát của mình”*. Phật Tu Di Tướng bảo: *“Không phải thế đâu, đó chính là vị Thanh Văn đệ tử thần thông bậc nhất của Phật Thích Ca Mâu Ni ở thế giới Ta Bà, tên gọi là Mục Kiền Liên.”* Ngài Mục Kiền Liên nghe nói thế, liền hiện thân lớn bằng núi Tu Di, đồng với thân lượng chúng sanh ở cõi ấy, bạch với Phật nguyên nhân mình đi lạc đến thế giới này và kính xin Phật dùng thần lực đưa trở lại quốc độ Ta Bà.

Như thế, ta thấy nếu căn cứ nơi thần lực, thì thần thông không rộng lớn, chẳng thể đi về Cực Lạc. Thời mạt pháp này, người tham thiền ngộ đạo còn khó có, nói chi chúng đến Sơ Quả Tu Đà Hoàn! Khi chưa chứng quả tất phải bị luân hồi, sự khỏi sa đọa còn không bảo đảm, bàn đến việc mỗi đời tiếp tục tiến tu trải qua vô lượng vô số kiếp, chờ chứng được ngôi vị thượng địa Bồ Tát để có thể sang Cực Lạc, phải chăng là một điều hư tưởng viễn vông? Dù có đủ thần thông sang Cực Lạc, mà muốn ở cõi đó, phải quy kính xưng niệm danh hiệu đức A Di Đà, mới được lưu trụ. Ví như nhà giàu kia có một vườn hoa tươi đẹp, sức ta có thể vượt tường đi vào, nhưng thật ra muốn vào đó thường ngoạn, còn phải thưa hỏi chủ nhà.

Bởi thế, khi xưa ngài Duy Ma Cật dùng thần thông đem những tòa ngồi nghiêm đẹp cao bốn muôn hai ngàn (42.000) do tuần ở cõi nước Phật Tu Di Đăng Vương về nơi tịnh thất, chỉ riêng các bậc đại Bồ Tát đã từng lễ kính cúng dường mười phương chư Phật mới lên ngồi được. Ngoài ra những vị tân phát ý Bồ Tát cho đến hàng Thanh Văn đại đệ tử, tuy có thần thông dư sức vượt cao hơn bốn muôn hai ngàn do tuần, song không thể lên ngồi. Ngài Duy Ma Cật biết những tòa sư tử này do công đức phước báo của Tu Di Đăng Vương Như Lai, liền bảo với các vị ấy xưng danh hiệu quy kính đức Phật kia, sau đó mới lên ngồi được.

Thế nên biết, muốn về cõi Cực Lạc phương Tây, sự xưng niệm đức Phật A Di Đà, là một điều tất yếu.

b. Cảnh giới tự tâm cảm thông với thần lực nhiếp thọ của Phật là thế nào?

Kinh nói: *“Phật A Di Đà thường phóng quang nhiếp thọ tất cả chúng sanh niệm Phật ở mười phương không bỏ sót.”* Cho nên khi ta niệm Phật, liền được nguyện lực quang minh của Phật âm thầm nhiếp thọ.

Lúc hành giả nhứt tâm niệm Phật, thì nghiệp lực chìm lắng, tâm lực lộ bày, ánh sáng của tự tâm giao tiếp với quang minh của Phật, nên hiện tiền có thể thấy cảnh Tây Phương, hoặc thần linh dạo chơi miền Tịnh Độ. Sức

tâm nguyện thanh tịnh hướng về Tây Phương của hành giả gọi là tự tâm lực, hay tự lực.

Sức phóng quang nhiếp thọ để dẫn độ của Phật A Di Đà gọi là Phật nhiếp thọ lực, hay tha lực.

Nhờ hai năng lực ấy nên tuy chưa được thần thông rộng lớn mà hành giả niệm Phật có thể sanh về Tây Phương. Khi lâm chung, người niệm Phật tùy theo công đức của mình, hoặc thấy Phật đến tiếp dẫn, hoặc thấy Bồ Tát hay Thánh chúng đến tiếp dẫn. Có vị tuy không thấy chi cả, nhưng do nguyện lực của mình và sức quang minh hướng dẫn của Phật, nên cũng được vãng sanh. Sự quan trọng của tha lực là như thế.

3) Hỏi: *Tu Tịnh Độ cần phải chứng Niệm Phật Tam Muội, hoặc ít nữa đi đến cảnh giới nhứt tâm bất loạn, mới được vãng sanh. Như thế người hạ căn chưa chắc đã thực hành nổi. Vậy thì kẻ thấp kém ngu tối làm sao được sanh về Cực Lạc? Nếu kẻ hạ căn ngu tối không vãng sanh được, sao lại gọi pháp môn Niệm Phật thâm nhiếp cả ba căn?*

Đáp: Thật ra với căn cơ thời nay, cảnh giới nhứt tâm bất loạn trong lúc hiện tiền, còn không có mấy người đi đến, huống chi là Niệm Phật Tam Muội.

Nhưng, theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ, kẻ tạo tội ngũ nghịch thập ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện,

chí tâm xưng danh hiệu Phật A Di Đà từ một cho đến mười niệm, liền được Phật hiện đến tiếp dẫn vãng sanh.

Thế thì sự nhứt tâm được vãng sanh là chỉ cho khi lâm chung chớ không phải lúc hiện tiền. Nên nếu lúc bình thời niệm Phật được nhứt tâm, nhưng sau đó lại chuyển hướng tu theo pháp môn khác không cầu vãng sanh, thì làm sao được về Cực Lạc?

Mà muốn được nhứt tâm khi lâm chung, thì lúc bình thời phải tập câu niệm Phật cho thuần thục. Do bình thời thường niệm Phật, dù chưa được nhứt tâm, nhưng chủng tử niệm Phật dần chứa đã nhiều, lúc sắp chết, hành giả khởi niệm Phật nó liền phát hiện mạnh mẽ nên được nhứt tâm. Kẻ hạ căn niệm Phật được vãng sanh, thường ở trong tình trạng ấy.

4) Hỏi: *Niệm Phật cốt để ngăn trừ vọng tâm, chặn đứng phiền não, đi đến chỗ vô niệm. Đã như thế thì cứ để tâm thanh tịnh, lần lần sẽ tiến vào cảnh giới vô niệm, cần gì phải niệm Phật cho nhọc sức lao hơi?*

Đáp: Điểm cứu cánh của pháp Niệm Phật là Niệm Phật Tam Muội, chứng toàn thể bản tánh Di Đà, tức cảnh giới Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Nhưng mục đích chánh yếu và cấp thiết của tông Tịnh Độ, là cầu vãng sanh để bảo đảm không còn luân hồi mê đọa, mượn hoàn cảnh ưu thắng ở cõi Cực Lạc tu hành, cho mau tiến lên Phật quả.

Vì lẽ ấy nên hành giả của môn Tịnh Độ cần phải xưng niệm danh hiệu đức A Di Đà. Chủ đích của môn Tịnh Độ là như thế, không cấp thiết ở chỗ cầu cảnh giới vô niệm, mau chứng ngộ tánh bản lai như bên Thiền Tông.

Tuy nhiên, khi thật hành chủ đích này, hành giả phải niệm Phật cho được nhứt tâm, nên dù không cầu vô niệm mà cảnh vô niệm vẫn tự hiện bày. Hơn nữa, nhờ công đức niệm Phật giúp sức cho mau tiêu nghiệp, nên cảnh giới ấy lại càng chóng hiển lộ. Ở đây chúng ta thấy mở thêm một tia sáng: muốn mau được vô niệm, được sớm ngộ tánh bản lai, lại cần phải niệm Phật.

Đi sâu thêm, nếu là người căn tánh Đại Thừa, tất phải hiểu niệm Phật là để thành Phật. Như chỉ hiểu niệm Phật cốt để ngăn trừ vọng tưởng, tức đã lạc vào Ngũ Đình Tâm Quán của Tiểu Thừa.

Tại sao niệm Phật là để thành Phật? Bởi khi vừa đề khởi câu niệm Phật, thì quá khứ, hiện tại, vị lai đều mất, tuy có tướng mà là tướng, tức sắc là không, hữu niệm đồng vô niệm, đi ngay vào cảnh giới bản giác ly niệm của Như Lai, đương thể là Phật chứ còn chi nữa?

Nếu cho rằng có niệm là còn trệ nơi hữu vi thì khi đức Thế Tôn hiện các tướng hữu vi như ăn cơm, khoác y, đàm luận, thuyết pháp đi đứng nằm ngồi, đều trệ nơi hữu vi và không phải là Như Lai sao? Lại nếu cho rằng còn

niệm Phật chưa phải là vô niệm, thì chư tôn đức bên Thiền Tông khi tham thoại đầu, giảng luận, hoặc có lúc tụng kinh, lễ bái, sám hối, kinh hành đều thuộc về hữu tướng, không phải là thiền ư? Nên biết đạo lý của vô vi là “*Làm tất cả việc hữu vi mà không thấy có tướng làm*”. Vô niệm cũng thế, chớ không phải tuyệt cả hành động, ngôn ngữ là vô vi vô niệm đâu.

Bởi chẳng rõ lý này nên nhiều kẻ chấp không cho rằng: Niệm Phật như chiếc xe chạy đi thêm chở nặng, hoặc như trong vàng còn lẫn chì, trong cơm lẫn cát, không được nhẹ nhàng thuần nhứt, thật đã sai lầm!

Nhưng niệm mà không niệm là cảnh giới của bậc thượng thượng căn, nên nơi đây chỉ khái luận qua để giải mối nghi chấp. Riêng bậc trung, hạ căn gắng niệm Phật cho thuần thực cũng đã quý lắm rồi!

5) Hỏi: *Thế của các pháp là không, xưa nay vẫn vô sanh và bình đẳng vắng lặng. Khi tâm ta thanh tịnh, dù ở Uế Độ cũng thanh tịnh; Trái lại như không thanh tịnh, tuy ở Tịnh Độ vẫn phiền não rộn ràng. Nếu đã có sanh tất phải có diệt hay có sanh là có tử, thế thì bỏ Ta Bà cầu sanh về Cực Lạc, chẳng là trái đạo lý ư?*

Đáp: Vấn đề này có hai nghĩa. Xin thể theo lời của Trí Giả đại sư trong Thập Nghi Luận và phụ thêm đôi chút ý kiến để giải thích, phân làm tổng đáp cùng biệt đáp.

a. Về phần tổng đáp

Nếu cho rằng cầu về Tịnh Độ là bỏ đây tìm kia, không hợp với lý Chân Như bình đẳng. Thế thì trụ Ta Bà không cầu sanh Cực Lạc, há không bị lỗi bỏ kia chấp đây sao? Còn như bảo: *“Tôi không cầu kia cũng không chấp đây”*, lại cũng mắc vào lỗi đoạn diệt. Cho nên kinh Kim Cang Bát Nhã nói: *“Tu Bồ Đề! Ông đừng nghĩ rằng: Nói phát tâm vô thượng Bồ Đề là đoạn diệt hết tướng của các pháp. Tại sao thế? Vì phát tâm vô thượng Bồ Đề, đối với các pháp không nói tướng đoạn diệt.”*

b. Về phần biệt đáp

Xin giải thích về lý vô sanh và tâm tịnh.

Vô sanh cũng chính là lý bất sanh bất diệt: Bất sanh là các pháp do nhân duyên giả hợp mà sanh, không tự thể, nên không thật có tướng sanh. Vì nó hư huyền, không phải thật từ đâu sanh hiện, nên gọi là bất sanh; Bất diệt là khi các pháp hoại diệt, cũng không tự tánh, không bảo rằng mình hoại diệt. Vì nó không thật có chỗ trở về, dứt mất, nên gọi là bất diệt.

Cho nên lý vô sanh hay bất sanh diệt, không phải *“Ngoài các pháp sanh diệt mà có”*. Vì thế chẳng phải không cầu sanh Tịnh Độ mà gọi là vô sanh, hoặc sanh về Cực Lạc là có tử diệt, trái với lý vô sanh đâu! Đó là luận về lý, riêng về sự thì người sanh Tịnh Độ tất lên ngôi bất

thối, sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp. Trong thời gian ấy tiến tu đã dư chứng quả vô sanh. Như thế đâu còn vấn đề “Có sanh có diệt, hoặc có sanh có tử mà phòng ngại”.

Lý tâm tịnh cũng thế, dùng tâm thanh tịnh ở Ta Bà hành đạo, cùng trụ tâm thanh tịnh ở Cực Lạc để tu tiến, nào có ngại gì?

Kinh Duy Ma nói: *“Tuy biết các cõi Phật, cùng với hữu tình không, mà thường tu Tịnh Độ, để giáo hóa quần sanh.”* Cho nên người trí tuy siêng cần niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, mà không chấp có tướng sanh, vì nó không thật có. Tuy biết rõ các pháp xưa nay hằng thanh tịnh vắng lặng, mà không ngại gì cầu sanh Tây Phương, mượn thẳng duyên tu tiến để giáo hóa loài hữu tình. Đây mới là chân vô sanh và cũng thật là nghĩa tâm tịnh tùy chỗ thanh tịnh. Trái lại, kẻ kém hiểu biết bị tướng sanh ràng buộc, nghe nói sanh liền nghĩ là thật có sanh, có tử diệt; nghe nói vô sanh lại chấp không sanh về đâu cả. Họ đâu biết sanh chính là vô sanh, vô sanh há ngại gì sanh; và tâm tịnh lại có ngại gì cầu về Cực Lạc ư? Vì không hiểu lẽ ấy, họ sanh lòng tranh chấp thị phi, khinh chê người cầu sanh Tịnh Độ, thật lắm lạc xiết bao!

Tiết 19. Những Mối Nghi Căn Cứ Theo Kinh Điển

Ngoài những điều trên, lại có nhiều người học Phật, căn cứ các lý thuyết thế giới kinh văn, mà đặt các nghi vấn về môn Tịnh Độ. Nhân tiện, cũng xin tiếp theo thể văn đáp để giải quyết các mối nghi ấy.

1) Hỏi: *Kinh Kim Cang nói: “Tất cả pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bóng, bọt”. Thế thì cảnh Ta Bà đã huyễn, mà cõi Cực Lạc cũng là huyễn. Sao không đi ngay vào bản tâm chân thật, còn cầu về cảnh huyễn làm chi?*

Đáp: Thật ra các cõi Uế Độ và Tịnh Độ trong mười phương đều dường mộng huyễn, nhưng khi nào chúng được Như Huyền Tam Muội, mới thấy đó là hư giả. Bằng chưa được như thế, vẫn thấy nó là thật, vẫn bị nó chi phối, vẫn còn biết khổ vui, vào mùa nắng vẫn khó chịu về sự nóng bức, cho đến việc rất nhỏ như con kiến, con muỗi cắn đốt cũng vẫn còn bị đón đau. Như vậy sao được gọi là huyễn? Nên biết môn Tịnh Độ là phương tiện nhiệm mầu của Phật, mượn cảnh như huyễn an vui, để đưa chúng sanh thoát khỏi cảnh như huyễn thống khổ đầy đầy chướng duyên và hiểm nạn. Rồi từ cảnh an vui như huyễn đó tiến tu dễ dàng, để mau chứng vào cõi chân tâm thường tịch.

Lấy một thí dụ như tại cõi Ta Bà này, cảnh gia đình hay nơi thị tứ ồn ào là huyễn, cảnh chùa am hoặc chốn núi non vắng vẻ cũng là huyễn. Nhưng tại sao người tu

giải thoát lại bỏ cảnh gia đình thị tứ tìm nơi chùa am thanh vắng ở núi non? Có phải tại chốn gia đình nhiều bận buộc, cảnh huyên náo khó nhiếp tâm, mà nơi chùa am hay chỗ núi non thanh vắng dễ tu chăng? Cho nên cảnh phàm tình cùng cảnh thánh chứng khác nhau, phàm tình mà đặt mình vào cảnh thánh chứng là điều xa vời trái với thật tế. Ta còn phàm phu hãy cứ theo phận phàm phu mà tuần tự tiến tu, đừng vội đem con mắt thánh nhìn nói quá cao xa, thành ra vọng ngữ và có hại.

Khi xưa cũng có một Thiền giả cho cõi Cực Lạc là huyền mộng, niệm Phật cầu vãng sanh vô ích. Triệt Ngộ đại sư nghe lời này, liền bảo *“Không phải thế đâu! Từ bậc Thất Địa Bồ Tát trở về trước, đều tu hành ở trong mộng. Đến như đối với mộng lớn vô minh, thì bậc Đăng Giác vẫn còn say ngủ. Duy riêng chư Phật mới có thể tôn xưng Đại Giác, là những bậc hoàn toàn thức tỉnh mà thôi. Khi tự thân đã ở trong mộng, thì sự vui khổ vẫn uyển nhiên, vui cũng thấy vui, khổ còn biết khổ, sao được gọi mình là người tỉnh mơ, cảnh là huyền mộng? Thế thì thay vì ở trong cảnh mộng khổ của Ta Bà, sao bằng về cảnh mộng vui nơi Cực Lạc! Huống chi mộng ở Ta Bà là từ mộng vào mộng, bị cảnh duyên nghiệp lực lôi cuốn, mãi luân hồi sống chết chìm mê. Còn cảnh mộng ở Cực Lạc là từ mộng đến giác, lần lượt sẽ thức tỉnh hoàn toàn chứng lên quả Phật. Cho nên mộng huyền vẫn đồng, mà duyên cảnh mộng ở hai*

nơi thật chẳng đồng vậy. Thế thì sự niệm Phật cầu vãng sanh chẳng là cần thiết lắm ư!”

Lời cổ đức giải thích như thế, thì sự cầu sanh đã được hiển minh. Tuy nhiên, bài kệ trong Kinh Kim Cang nói đó, vẫn còn là lời phương tiện để cho chúng sanh là quan niệm chấp có theo phàm tình. Tiến một bước cao hơn, như Kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói: *“Như Lai vì hạng người căn tánh tối, mà nói các pháp như huyền vắng lặng, vì e họ sanh chấp kiến; vì hạng người căn tánh sáng, nói tướng hảo của chư Phật, bởi họ như hoa sen chẳng nhiễm trần”* Cho nên Tu Bồ Đề là bậc giải ngộ lý không bậc thứ, tuyệt không danh tướng, mà đức Thế Tôn lại thọ ký cho ông về sau thành Phật, hiệu là Danh Tướng Như Lai. Thế thì lý màu không danh tướng chẳng ngoài danh tướng, tất cả pháp mộng huyền đều là Phật pháp chân thường. Và đi sâu đến chỗ viên dung, như đức Lục Tổ nói, thì phàm phu nguyên là Phật, phiền não tức Bồ Đề, tất cả vô minh huyền vọng đều là thể viên minh chân giác của Như Lai tạng.

2) Hỏi: *Kinh Pháp Bảo Đàn nói: “Không niệm, niệm mới chánh. Có niệm, niệm thành tà.” Như vậy, niệm Phật có phải là tà vọng chăng?*

Đáp: Về đạo lý vô sanh vô niệm, đoạn trước đã có nói. Nơi đây xin đáp một cách thẳng tắt: Chẳng phải

không niệm Phật, không tụng kinh, gọi là vô niệm. Mà thường hằng niệm Phật tụng kinh, nhưng tâm địa rỗng không, chẳng chấp thấy mình có niệm tụng, mới gọi là vô niệm. Trái lại, dù ngồi an tĩnh lòng không suy nghĩ chi cả, mà còn cảm thấy biết cho mình, có sự ngồi thiền, vẫn gọi là “có niệm”.

Nếu nghĩ rằng “không niệm” là chẳng niệm Phật, tụng kinh, thuyết pháp, không có sự suy tư, thì thành ra gỗ đá; muốn tránh lỗi chấp có, lại lạc vào lỗi chấp không. Thế thì đã trái với ý kinh chỉ dạy.

Cho nên đức Lục Tổ mới nói tiếp: *“Có, Không đều chẳng tướng. Ngồi được bạch ngưu xa”*. Bậc cao đức bên Tịnh Độ khi xưa, tuy hằng niệm Phật cầu vãng sanh, song chẳng chấp tướng niệm Phật cầu sanh, nên đã có lời kệ:

*Có niệm đồng không niệm,
Không sanh tức là sanh,
Chẳng phiền dòi nửa bước.
Thân đến Giác vương thành.*

Nhưng, trên đây là nói tác phong tu niệm của bậc thượng căn. Với hàng căn cơ trung, hạ, cứ nên gắng công niệm Phật cho nhiều, dù còn chấp thấy mình có niệm có tha thiết cầu sanh, cũng là điều tốt. Bởi nếu được như thế, khi mạng chung tất vãng sanh về Tây Phương, chừng ấy kết cuộc cũng sẽ chứng vào cảnh giới vô niệm vô sanh,

đâu có điều đáng lo ngại! Bằng chẳng lượng sức mình, ưu cầu cao thẳng, nê chấp theo kinh văn trên, đối với đạo lý vô niệm chưa thể làm nổi, với sự thấy có niệm Phật có cầu sanh lại không muốn thật hành, kết cuộc cả hai đều hỏng, vẫn chỉ là phàm phu trong vòng luân hồi thống khổ mà thôi!

3) Hỏi: *Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, đức Lục Tổ bảo: “Người phương Đông tạo tội, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Người Tây Phương tạo tội, niệm Phật cầu sanh về cõi nào?” Như thế thì chỉ cốt làm sao diệt được tội, cần gì niệm Phật cầu vãng sanh?*

Đáp: Đức Lục Tổ và các vị cao đức bên Thiền Tông đứng trên cương vị truyền bá tông chỉ duy tâm, nên mỗi lời nói phải căn cứ theo chỗ lập pháp của mình, đều chỉ ngay vào bản tánh, và đều lấy tâm làm chủ. Ý Ngài muốn bảo: “Nếu tâm được thanh tịnh, thì tuy ở Ta Bà cũng tự tại giải thoát; tâm không thanh tịnh dù ở Tây Phương vẫn bị khổ não luân hồi”.

Thật ra, đối với người tu Tịnh Độ hiểu đạo lý, lời nói của Tổ chỉ có tác dụng khuyến tấn, bảo phải niệm Phật đến chỗ tịnh tâm không còn chấp tướng, chớ không phải bác sự niệm Phật cầu vãng sanh.

Đức Thích Tôn, chư Phật khắp mười phương, chư Đại Bồ Tát và chư vị Tổ Sư đều khuyên niệm Phật cầu

sanh Tây Phương. Hai vị Tổ bên Thiên Tông ở Thiên Trúc là Mã Minh, Long Thọ đều khuyên niệm Phật; và chính ngài Long Thọ đã chứng ngôi Sơ Hoan Hỷ Địa, vãng sanh về Cực Lạc. Nếu đức Lục Tổ quả thật có ý bài bác sự Niệm Phật, thì chẳng hóa ra bài bác đức Thích Ca Mâu Ni, chư Phật, chư Bồ Tát, Tổ sư, và cả hai vị tiền bối trong tông của mình là Mã Minh, Long Thọ hay sao? Cho nên, nếu hiểu lầm rồi đem lời này chê bai niệm Phật, chính là bài xích và gieo mối oan cho đức Lục Tổ vậy.

Lại, hành môn nào cũng có lý và sự. Lời của đức Lục Tổ là nói về lý, ngoài ra còn có sự tướng của đường tu, cần phải nghĩ đến. Ta thử đặt lại câu hỏi: *“Người ở ngoài đời tạo tội, vào chùa am xuống tóc ăn chay giữ giới tìm nơi thanh vắng tu hành. Người ở chùa am tạo tội tìm nơi nào để tu?”* Nếu chỉ y theo lý mà bác như vậy, thì việc xuất gia đến chùa am, ăn chay giữ giới, cho đến tụng kinh, niệm Phật, trì chú, tham thiền, đều là lỗi lầm hết cả hay sao? Pháp tu Tịnh Độ cũng thế, thật ra chẳng phải người Đông Phương do tạo tội mới niệm Phật cầu sanh Tây Phương, mà niệm Phật cầu về Tây Phương chính là muốn mượn thắng duyên tu hành, để mau chứng lên quả Vô Sanh giải thoát. Dù người đã tạo nhiều tội, biết hồi tâm sám hối niệm Phật cầu vãng sanh, cũng là vì muốn sớm thoát sanh tử, vẫn không ngoài mục đích này. Còn người ở Tây Phương Cực Lạc cũng không tạo tội, bởi khi đã về

cõi ấy, trên có Phật Bồ Tát, dưới có các bậc thượng thiện nhân, xung quanh mình tiếng chim nói pháp, tiếng nhạc giảng kinh, không còn nhọc lòng lo đến vấn đề ăn mặc ở và các sự đau bệnh tai nạn oán thù, đường đạo chỉ thêm tiến lên, đâu còn có duyên gì để tạo tội?

Kết lại, câu nói của đức Lục Tổ nên hiểu chỉ là lời khai thị về lý tánh thanh tịnh để khuyến tấn mà thôi, không nên nghi lẫn đem nó để bác sự tướng. Người niệm Phật nghe lời này, càng nên cố gắng niệm cho đến trình độ tâm không, mới hợp với ý của Tổ.

Tiết 20. Cần Phá Lối Chấp Nhị Biên

Những mối nghi về Tịnh Độ theo loại trên hãy còn nhiều. Đó do bởi người học Phật còn lối chấp hai bên, chưa dung hóa được giữa tánh tướng, có không, sự lý. Vì thế nên mới dùng tánh phá tướng, đem lý bác sự, lấy không bài có, và ngược lại, để gây thành những tranh chấp nghi vấn phân vân. Họ không ngờ sự lý tương tức, nghĩa là sự tức lý, lý tức sự, nếu phân chia ra mà nhận định thiên lệch, thì sự không thành chân sự, lý chẳng phải chân lý; cả đến tánh tướng, có không, và các pháp nhị biên khác cũng như vậy.

Vì thế trong Kinh Duy Ma Cật mới nói đến Bất Nhị pháp môn, nghĩa là pháp môn Không Hai, để phá trừ lối

chấp hai bên đó. Không Hai là dung hóa tất cả để nhập vào tánh thể, chớ chẳng phải một. Đây mới thật là chân cảnh của duy tâm. Ngoài ra, sự lập pháp riêng về hữu môn hay không môn, cũng còn ở trong vòng phương tiện quyền hóa mà thôi.

Kinh nói: *“Chán bỏ công đức hữu vi là nghiệp ma. Tham trước công đức vô vi cũng là nghiệp ma.”*

Cổ đức cũng bảo: *“Pháp hữu vi tuy huyền, phế bỏ tất đạo nghiệp không thành. Pháp vô vi tuy chân, chấp lấy thì huệ tánh chẳng rộng.”*

Những lời này chứng minh rõ, trên đường tu, sự lý không thể rời nhau.

Luận Trung Quán lại nói: *“Vì chúng sanh thông thường chấp trệ nơi hình thức nên kinh giáo mới dùng lý không để phá trừ. Nếu vừa lìa bịnh chấp có, lại rơi vào bịnh chấp không, tất chẳng còn thuốc gì chữa khỏi.”* Bởi lý Bát Nhã không nghe cao siêu màu nhiệm, nên hàng trí thức khi xem đến những loại kinh này, phần nhiều hay vương vào chứng bịnh "nói lý", việc gì cũng lý thuyết hóa, khinh thường những người hành trì theo sự tướng, gây thành lỗi ngã mạn tự kiêu. Miệng họ tuy nói không, nhưng hành vi lại ở trong có, chính hợp với câu:

Đầu mồm nói suốt trăm phần diệu.

Dưới gót không ly một điểm trần!

Khi xưa, các bậc đại tri thức cũng thường dùng lý không để trừ bệnh chấp có, nhưng chỗ tu chúng cùng sự khai hóa của những vị ấy đúng tư cách và hợp cơ nghi, mới đem lại lợi ích. Chẳng hạn như câu chuyện sau đây:

Có một vị thiền sư tu hành rất tinh tấn, ban đêm chẳng ngủ và thường ngồi mãi không nằm. Nhưng đã lâu năm dụng công, sư vẫn chưa chứng ngộ. Trong chùa có chú Sa Di chẳng biết từ đâu đến, xin nhập chúng. Ông này thường biếng trễ thậm chí nhiều phen tiếng chuông công phu khuya nổi lên, vẫn nằm lì mãi không ngồi dậy. Thiền sư biết được, gọi đến quở rằng:

- Sao đã vào chùa tu mà còn lười biếng cứ nằm mãi như thế? Chú không nghe trong luật dạy: nghe chuông mà vẫn nằm không ngồi dậy, tương lai sẽ đọa làm thân rắn hay sao?

Sa Di đáp:

- Thầy bảo tôi thường nằm sẽ thành con rắn; còn thầy chấp cứ ngồi mãi cũng thành con cóc, chớ có chứng ngộ được chi?

Sa Di nói xong liền ẩn mất. Nhưng vị thiền sư đã tỏ ngộ. Thì ra Sa Di này là một bậc đặc đạo, hiện thân đến khai hóa cho thiền sư.

Ngoài ra, còn câu chuyện Đơn Hà Thiên Nhiên hòa thượng cỡi lên cổ Phật và chẽ đốt tượng Phật gỗ để phá quan niệm chấp Phật.

Sư Pháp Đạt vì ý mình đã tụng ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa, nên lạy đầu không chấm đất, bị đức Lục Tổ quở, để phá quan niệm chấp pháp, chấp công đức. Ngài Bắc Thập sau khi chứng được Đại Tự Tại Tam Muội, viết danh hiệu Văn Thù, Phổ Hiền lên chiếc khố để phá quan niệm chấp Thánh Tăng.

Thuở xưa các bậc đại tri thức, mức tu chứng đã cao, biết tùy cơ nghi mà hóa đạo, lại những hành giả trong thời ấy có nhiều bậc thượng căn, nên sự giảng về lý “không” thường có lợi. Đời nay người trung, hạ căn nhiều, cách giảng hóa nên dung hòa sự lý, tánh tướng, mới không gây nghi ngờ và làm thối đạo tâm của người học Phật. Nếu đa số người chưa thể một bước đi thẳng vào cảnh chân không mà bác bỏ hình thức, tất sẽ diễn thành tai nạn *“Chưa được lên bờ đã vội phá bỏ chiếc bè”*, làm sao tránh khỏi cảnh đắm chìm? Lại còn một điều nên để ý, nếu nói lý không mà mình chưa được không, hoặc chưa có đôi phần tư cách nào trên sự tu, tất chẳng thể cảm hóa người, chỉ thành cuộc tranh chấp hơn thua vô ích.

Trước đây, bút giả đã có lần chứng kiến cảnh tượng ấy: Một đại đức thông hiểu giáo lý ở ngụ nơi chùa nọ dạy kinh. Vị sư trụ trì đã lớn tuổi, siêng tụng niệm nhưng chấp theo cách thức xưa, thấy đại đức lối sống tự do có vẻ tân thời, ý không ưa thích, liền bảo:

- Thầy khuyên dạy đạo mà ngày tối không thấy tụng một quyển kinh, niệm một câu Phật, như vậy làm sao nêu mô phạm tu hành cho đại chúng?

Vị đại đức đáp:

- Cách tu có nhiều lối, phải chạy theo hình thức như thầy, tối ngày tụng niệm, mới gọi là tu sao? Kinh Kim Cang nói:

*Nhược dĩ sắc kiến ngã.
Dĩ âm thanh cầu ngã,
Thị nhơn hành tà đạo.
Bất năng kiến Như Lai!*

Chớ đức Lục Tổ khi xưa đâu có tụng kinh niệm Phật gì, mà Ngài cũng đắc đạo, làm Tổ được vậy?

Sư trụ trì đuối lý, đành lặng yên. Xét ra, sư trụ trì có lối chấp nê hình thức; vị đại đức tuy nói lý cao, song thật ra cũng chẳng tham thiền tịnh niệm chi nên đã không cảnh giác nổi mà còn gây thêm sự bức bối cho sư.

Trong hai lối chấp có và không, sự chấp không rất nguy hại. Kinh Lăng Già cùng Mật Nghiêm đều bảo: *“Thà chấp có như non Tu, chớ chấp không như hạt cải”*. Chấp có, ý nói hằng kiêng nhân quả, sợ tội phước, lo giữ giới, tụng niệm, làm lành, tuy bị hình thức bó buộc không tự tại giải thoát, nhưng gây được công đức và thiện căn. Còn chấp không, mình đã chưa chứng được chân không, lại chẳng chịu theo hình thức, siêng tu công đức, tất sẽ luân hồi sa đọa.

Bút giả tự xét mình, nghiệp chướng nhiều, căn tánh kém, vẫn không muốn lạm bàn đến đạo lý cao siêu, sợ e hạnh chẳng xứng lời, trở thành vọng ngữ. Nhưng với lòng thành muốn cho người dứt nghi ngờ sanh tín tâm niệm Phật, nên bất đắc dĩ phải thổ lộ ít nhiều. Hằng ví mình như người bại chân ngồi ở ngã ba đường, tuy không tự đi được, song cũng cố gắng chỉ nhắc hành khách tránh néo hiểm nguy, theo lối đi rộng bằng an ổn. Còn sự biện luận để phân biệt phải quấy kém hơn, tuyệt nhiên lòng không nghĩ đến!

PHÁP YẾU TU HÀNH (H.T Thích-Thiền-Tâm)

Yếu điểm của đường tu
Gồm hai phần Sự, Lý

Lý tu là sửa tâm
Cho hợp với chân lý

Sự tu chỉnh ba nghiệp
Giúp chứng cảnh chân như

Sửa tâm là dứt trừ
Nghiệp tham, ái, nóng, giận
Si mê cùng tật đố
Ngã mạn với kiêu căng
Chớ chạy theo hình thức
Say đắm nẻo lợi danh
Chuộng địa vị, quyền hành
Khoe thông minh, tài giỏi
Phải sanh lòng giác ngộ
Niệm thanh tịnh từ bi
Dũng tiến mà kiên trì
Sáng suốt mà khiêm hạ

Tự nghĩ mình xưa nay
Đã tạo nhiều tội chướng
Chịu nhần nhục, sám hối
Biết an phận, tùy duyên
Duyên tốt chẳng kiêu khoe
Duyên xấu không thối nã
Bình tĩnh mãi tiến tu
Như bơi thuyền ngược nước
Về biển Tát Bà Nhã
Đến Bảo Sở an vui
Đó là phần tu tâm
Hợp với lý giải thoát

Sự tu là thân nghiệp
Lễ kính Phật sám hối
Khẩu nghiệp trì chú kinh
Hoặc niệm Phật khen ngợi
Ý nghiệp giữ thanh tịnh
Mật tu môn Lục Niệm
Nguyện đền đáp bốn ân
Nguyện mình cùng chúng sanh
Sanh cõi vui thành Phật
Đời đời gặp chánh Pháp
Tu sáu độ muôn hạnh

Tâm Bồ Đề độ sanh
Trần kiếp không thối chuyển

Tu Sự mà bỏ Lý
Làm sao mở chân tâm?
Tu Lý mà phế Sự
Cũng không thể thành Phật!
Tu Sự chẳng chấp TƯỚNG
Thì tức SẮC là KHÔNG
Tu Lý không bỏ Sự
Đó tức KHÔNG là SẮC

Lý chính thật Chân-Không
Sự là phần Diệu-Hữu
Chân-Không tức Diệu-Hữu
Diệu-Hữu tức Chân-Không

Nếu chưa đạt lẽ này
Thà tu hành chấp CÓ
Đừng cầu cao bác tướng
Mà lạc vào Ngoan-Không
Đây chính hầm khổ đọa
Kẻ thông minh đời nay
Đa số mắc lỗi này

Xưa có sư Tông-Thắng
Tài huệ biện cao siêu
Vì ý giỏi kiêu căng
Nên bị nhục chiết phục
Hỗ thẹn muốn tự tận
Thọ thần hiện thân khuyển
*“Sư nay đã trăm tuổi
Tám mươi năm lầm lạc
May nhờ gặp Thánh nhân
Huân tu mà học đạo
Tuy có chút công đức
Mà lòng hay bỏ ngã
Ý thông minh biện bác
Lấn người không khiêm hạ
Lời cao hạnh chưa cao
Nên phải bị quả báo
Từ đây nên tự kiểm”*
Ít lâu thành trí lạ
Các THÁNH đều tồn tâm
NHƯ LAI cũng như vậy

Lại có kẻ đua tướng
Tranh Thượng Tọa, Ni Sư

Mượn thuyết pháp, tụng kinh
Để mưu cầu lợi dưỡng
Dành đệ tử, chùa chiền
Lập bè đảng, quyến thuộc
Thấy có ai hơn mình
Liên thị phi tạt đổ
Hại thầy, bạn, phản Đạo
Lừa dối hàng tín tâm
Lời nói thật rất cao
Việc làm thật rất thấp
Lý Sự đều sai trái
Hạng ấy hiện rất nhiều
Tạo biển khổ thêm sâu
Khiến đau lòng tri-thức

Lý, Sự đại lược thế
Công đức làm sao được?
Phật là ĐẠI-Y-VƯƠNG
Pháp là DIỆU-TIÊN-DƯỢC
Là phương-thuật rất màu
Là như-ý bảo châu
Hay trừ nạn nghèo khổ
Khiến cho được giàu vui
Hay trừ tất cả bệnh

Khiến mau được bình phục
Hay trừ nạn yếu số
Khiến thọ-mạng dài lâu
Hay khỏi các tai ách
Như bão lụt, binh lửa
Giặc cướp cùng tà ngoại
Ác thú với độc xà
Các yêu ma, quỷ mị
Nạn động đất, xe, thuyền
Những phù-chú ếm-đối
Đều phá tiêu tan hết
Cho đến trừ tội chướng
Sanh trưởng phước huệ to
Cứu chúng đọa Tam Đồ
Siêu lên bờ giải thoát

Chuyên tụng một phẩm Kinh
Một Chân-Ngôn, hiệu Phật
Thì thành tựu các nguyện
Thỏa mãn các mong cầu
Chỉ sợ người không tin
Hoặc tin mà không sâu
Lại ngại không thực hành
Hoặc hành không bền lâu

Hoặc tuy hành bền lâu
 Không chí tâm khẩn cầu
 Chí tâm là không vọng
 Trì niệm quên thân tâm
 Lặng lẽ dứt phân biệt
 Không trong, ngoài, người, cảnh
 Khi đi, đứng, thức, ngủ
 Chẳng bỏ câu trì niệm
 Lúc hưỡn, gấp, an, nguy
 Cũng vững vàng trì niệm
 Cho đến khi sắp chết
 Vẫn như thế trì niệm
 Đắc, thất đều do đây
 Cần chi hỏi tri thức

Không hành như trên đây
 Phật cũng khó cứu vớt
 Huống nữa là phàm Tăng
 Giúp ích được gì đâu
 Nhớ lời Cổ Đức dạy:
*“Ta có một bí quyết
 Khẩn thiết khuyên bảo nhau
 Là hết lòng thành kính
 Nhiệm màu cực nhiệm màu”*

Hãy ghi nhớ lời này
Lắng lòng suy gẫm sâu

Trời xanh tươi biếc một màu
Ánh trăng vẫn sáng một màu xưa nay
Mà sao đời đạo đổi thay
Cỏ hoa đượm nét u hoài thờ ơ
**“Thuyết pháp bất đẩu cơ
Chúng sanh một khổ hải”**
Đời mạt suy thế đạo lại thêm thương
Sóng dồn bọt biển tà dương
Con thuyền cứu độ khuất đường vân yên
Bụi hồng tung gió đảo điên
Vô tình mai nở diệu hiền cảnh xuân.

**Nam-mô Thánh Trí Hải Biến Chiếu
Trang Nghiêm Vương Như-Lai.**

Thích Vô Nhất

